TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 03- 01 - 2019.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Y, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: tổ 6, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguY đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Chị Y và anh T kết hôn vào ngày 25 tháng 3 năm 1999, tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Thanh Liêm (nay là phường TT, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình quá khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra bất hòa, căng thẳng,

cuộc sống không còn hạnh phúc. Với mục đích cải thiện kinh tế gia đình nên chị Y đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Thời gian vợ chồng xa nhau việc liên lạc qua điện thoại giữa vợ chồng cũng thưa thớt vì cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 7 năm 2018, chị Y về nước nhưng vợ chồng vẫn không có tình cảm, không thể cùng ngồi nói chuyện với nhau được. Nhận thấy tình cảm không còn, chị Y đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ khi về nước đến nay và vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với anh T được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Y1 (con gái), sinh ngày 10/8/2000; cháu Nguyễn Minh V (con trai) sinh ngày 04/5/2002. Cháu Nguyễn Thị Y1 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Minh V từ nhỏ đến nay đều ở với anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Nguyễn Minh V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

- Về tài sản và công nợ: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lên tòa để làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

Tại biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, anh Nguyễn Văn T có quan điểm: Những năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh sống vui vẻ, hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế vợ chồng anh đã bàn bạc để chị Y đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Nay chị Y về thay lòng đổi dạ xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Y, vì vậy anh không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh Văn: Khi bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố, vì từ nhỏ bố đã quan tâm chăm sóc cháu.

* Tại biên bản làm việc ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, chính quyền địa phương cung cấp cho tòa án thông tin như sau: Chị Y và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì chị Y đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Đến năm 2018 chị Y trở về địa phương, tuy nhiên từ khi chị Y về nước đến nay, việc chị Y và anh T chung sống hạnh phúc hay không địa phương không nắm rõ. Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh T và chị Y có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y1 và cháu Nguyễn Minh V. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh T và chị Y theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Về tài sản và công nợ của vợ chồng: Chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thực hiện niêm yết, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt tại tòa để làm bản khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt các phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị Y. Xử ly hôn giữa chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh V cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

3/ Về tài sản và công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Ycó cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* Về tố tụng: Chị Ngô Thị Y là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thực hiện việc giao, niêm yết và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tuyền, huyện Thanh Liêm (nay là phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam ngày 25 tháng 3 năm 1999 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Y, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân của chị Y, anh T tính đến thời điểm hiện tại đã gần hai mươi năm, nhưng thực tế anh chị chỉ chung sống gần nhau một khoảng thời gian ngắn. Thời gian sống gần nhau do kinh tế khó khăn phần nào cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, bản thân chị Y nhận thấy không thể giải tỏa những căng thẳng trong cuộc sống hôn nhân nên đã đi xuất khẩu lao động. Vợ chồng sống xa nhau từ năm 2009 đến nay. Thực tế cho thấy anh chị không còn tình cảm dành cho nhau vì khi sống xa nhau việc trao đổi tình cảm đã hạn chế, nay chị Y về địa phương sinh sống vợ chồng cũng không cùng chung sống, mỗi người ở mỗi nơi. Việc anh T không lên tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại tòa chứng tỏ anh T cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Y xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Y1 (con gái), sinh ngày 10/8/2000; cháu Nguyễn Minh V (con trai) sinh ngày 04/5/2002. Cháu Nguyễn Thị Y1 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi lao động tự lập được nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Minh V hiện nay đang ở cùng anh T, trong thời gian chị Y đi lao động xuất khẩu cháu Minh V ở với anh T được anh T chăm sóc, giáo dục, cuộc sống ổn định, bản thân cháu lại là con trai cần sự quan tâm, chăm sóc đồng cảm của bố. Chính vì vậy, chị Y cũng muốn để cháu Minh V ổn định cuộc sống, không bị xáo trộn, nên đồng ý giao cháu Minh V cho anh T nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai tại tòa cháu Minh V cũng có nguyện vọng ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Minh V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quan điểm của chị Y và nguyện vọng của cháu Minh V.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y có quan điểm không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T được triệu tập nhiều lần

song không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không thể hiện quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

* Về tài sản và công nợ: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí ly hôn: Chị Y phải nộp theo quy định pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 04/5/2002 (con trai) cho đến khi cháu Nguyễn Minh V đủ 18 tuổi, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Ngô Thị Y được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001912 ngày 09/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Y, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Thanh Tuyền, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên